

Số: /BC-ĐHHL

Ninh Bình, ngày tháng 8 năm 2022

## BÁO CÁO

### Lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo của sinh viên trước khi tốt nghiệp

Thực hiện Kế hoạch số 72/KH-ĐHHL ngày 10/5/2022 của Trường Đại học Hoa Lư về việc lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo của sinh viên trước khi tốt nghiệp, Nhà trường đã triển khai khảo sát lấy ý kiến của sinh viên, kết quả khảo sát như sau:

#### A. THÔNG TIN CHUNG

##### 1. Đối tượng khảo sát

Sinh viên cuối khóa của trường Đại học Hoa Lư, gồm các ngành: Kế toán; Quản trị kinh doanh; Việt Nam học; Giáo dục tiểu học và Giáo dục mầm non trình độ đại học và cao đẳng;

##### 2. Nội dung khảo sát

Nội dung khảo sát ý kiến sinh viên trước khi tốt nghiệp bao gồm:

- Đánh giá chương trình đào tạo: gồm các nội dung từ 1-13 (mục tiêu đào tạo, khả năng đáp ứng chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ được đào tạo, cấu trúc, nội dung).

- Đánh giá hoạt động đào tạo và hỗ trợ: gồm các nội dung từ 14-33 (thông tin đào tạo, tổ chức dạy học, chất lượng đội ngũ giảng viên, hiệu quả phương pháp dạy – học, kiểm tra, đánh giá, đội ngũ hỗ trợ).

- Đánh giá về cơ sở vật chất phục vụ quá trình học tập: gồm các nội dung từ 34-47 (phòng học lý thuyết, thực hành, thư viện, sân chơi, bãi tập thể dục thể thao, trang thiết bị hỗ trợ học tập, nghiên cứu khoa học).

- Tự đánh giá về thái độ, kiến thức và kỹ năng sau quá trình học tập: gồm các nội dung từ 48-55 (nhận thức nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp xã hội, trình độ ngoại ngữ, tin học).

##### 3. Phương pháp xử lý kết quả khảo sát

Phiếu khảo sát thực hiện trực tiếp qua Google Forms (<https://forms.gle/nhirb4L3rkWdsaEA8>), sử dụng thang đo Likert 05 mức độ:

- Không đồng ý (tương ứng với 1 điểm).
- Đồng ý một phần (tương ứng với 2 điểm).
- Đồng ý (tương ứng với 3 điểm).
- Phần lớn đồng ý (tương ứng với 4 điểm).
- Hoàn toàn đồng ý (tương ứng với 5 điểm).

Ý kiến phản hồi của sinh viên được thu thập và tổng hợp trên file excel, sử dụng phần mềm SPSS để xử lý, phân tích và thống kê số liệu.

Điểm trung bình chung được tính:

$$m = \frac{\sum_{i=1}^5 a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^5 n_i}$$

Trong đó:

- m: trung bình chung
- $a_i$ : điểm đánh giá
- n: số sinh viên đánh giá

Số liệu được xử lý và lưu trữ tại Phòng Đào tạo – Quản lý khoa học.

Mẫu phiếu khảo sát (*Phụ lục 1*)

Thống kê thông tin, số liệu khảo sát (*Phụ lục 2*)

#### 4. Cách thức phân loại kết quả

TT	Trung bình chung	Mức ý kiến phản hồi	Hoạt động tiếp theo
1.	4.2 – 5.0	Rất tốt	Tiếp tục duy trì và phát triển
2.	3.5 – 4.1	Tốt	Hoàn thiện, nâng cao hơn nữa
3.	2.7 – 3.4	Khá	Cải tiến để nâng cao chất lượng đào tạo
4.	2.0 – 2.6	Trung bình	Xây dựng kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo
5.	1.0 – 1.9	Kém	Cần khắc phục ngay và nhanh chóng có kế hoạch hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo

## B. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

### 1. Đánh giá chương trình đào tạo

#### 1.1. Chương trình ngành Kế toán, trình độ đại học

- Tổng sinh viên năm cuối: 61
- Tổng sinh viên đã tham gia khảo sát: 46
- Tỷ lệ sinh viên tham gia: 75,4%

Bảng 1: Kết quả khảo sát ngành Kế toán, trình độ đại học

Câu hỏi	Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Phần lớn đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Trung bình chung
	số sv	%	số sv	%	số sv	%	số sv	%	số sv	%	
1	1	2.2	1	2.2	9	19.6	14	30.4	21	45.7	4.2
2	1	2.2	2	4.3	6	13.0	13	28.3	24	52.2	4.2
3	1	2.2	2	4.3	7	15.2	14	30.4	22	47.8	4.2
4	1	2.2	2	4.3	9	19.6	14	30.4	20	43.5	4.1
5	1	2.2	1	2.2	7	15.2	13	28.3	24	52.2	4.3
6	1	2.2	2	4.3	6	13.0	14	30.4	24	52.2	4.2
7	1	2.2	1	2.2	7	15.2	12	26.1	25	54.3	4.3
8	1	2.2	2	4.3	7	15.2	15	32.6	21	45.7	4.2
9	1	2.2	1	2.2	8	17.4	11	23.9	25	54.3	4.3
10	1	2.2	0	0	8	17.4	13	28.3	24	52.2	4.3
11	1	2.2	0	0	8	17.4	13	28.3	24	52.2	4.3
12	1	2.2	1	2.2	6	13.0	14	30.4	24	52.2	4.3
13	1	2.2	1	2.2	8	17.4	12	26.1	24	52.2	4.2
<b>Trung bình chung các nội dung đánh giá chương trình đào tạo</b>											4.2

**1.2. Chương trình ngành Quản trị kinh doanh, trình độ đại học**

- Tổng sinh viên năm cuối: 11
- Tổng sinh viên đã tham gia khảo sát: 09
- Tỷ lệ sinh viên tham gia: 81.8%

Bảng 2: Kết quả khảo sát ngành Quản trị kinh doanh, trình độ đại học

<b>Kết quả khảo sát</b>											
Câu hỏi	Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Phần lớn đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Trung bình chung
	số sv	%	số sv	%	số sv	%	số sv	%	số sv	%	
1	0	0	0	0	2	22.2	3	33.3	4	44.4	4.2
2	0	0	0	0	1	11.1	4	44.4	4	44.4	4.3
3	0	0	0	0	3	33.3	2	22.2	4	44.4	4.1
4	0	0	0	0	1	11.1	4	44.4	4	44.4	4.3
5	0	0	0	0	3	33.3	1	11.1	5	55.6	4.2
6	0	0	0	0	2	22.2	3	33.3	4	44.4	4.2
7	0	0	0	0	5	55.6	1	11.1	3	33.3	3.8
8	0	0	0	0	2	22.2	4	44.4	3	33.3	4.1
9	0	0	0	0	2	22.2	4	44.4	3	33.3	4.1
10	0	0	0	0	2	22.2	2	22.2	5	55.6	4.3
11	0	0	0	0	2	22.2	3	33.3	4	44.4	4.2
12	0	0	0	0	1	11.1	3	33.3	5	55.6	4.4
13	0	0	0	0	1	11.1	5	55.6	3	33.3	4.2
<b>Trung bình chung các nội dung đánh giá chương trình đào tạo</b>											4.2

### 1.3. Chương trình ngành Việt Nam học, trình độ đại học

- Tổng sinh viên năm cuối: 27
- Tổng sinh viên đã tham gia khảo sát: 26
- Tỷ lệ sinh viên tham gia: 96,3%

Bảng 3: Kết quả khảo sát ngành Việt Nam học, trình độ đại học

Kết quả khảo sát											
Câu hỏi	Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Phần lớn đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Trung bình chung
	số sv	%	số sv	%	số sv	%	số sv	%	số sv	%	
1	1	3.8	1	3.8	3	11.5	5	19.2	16	61.5	4.3
2	1	3.8	1	3.8	3	11.5	5	19.2	16	61.5	4.3
3	1	3.8	2	7.7	4	15.4	5	19.2	14	53.8	4.1
4	2	7.7	1	3.8	3	11.5	7	26.9	13	50.0	4.1
5	0	0	2	7.7	3	11.5	8	30.8	13	50.0	4.2
6	0	0	0	0	4	15.4	8	30.8	14	53.8	4.4
7	1	3.8	0	0	3	11.5	8	30.8	14	53.8	4.3
8	4	15.4	1	3.8	1	3.8	7	26.9	13	50.0	3.9
9	1	3.8	1	3.8	3	11.5	7	26.9	14	53.8	4.2
10	1	3.8	0	0	3	11.5	10	38.5	12	46.2	4.2
11	1	3.8	0	0	3	11.5	10	38.5	12	46.2	4.2
12	1	3.8	0	0	3	11.5	7	26.9	15	57.7	4.3
13	1	3.8	0	0	3	11.5	7	26.9	15	57.7	4.3
Trung bình chung các nội dung đánh giá chương trình đào tạo											4.2

### 1.4. Chương trình ngành Giáo dục tiểu học, trình độ đại học

- Tổng sinh viên năm cuối: 287
- Tổng sinh viên đã tham gia khảo sát: 211
- Tỷ lệ sinh viên tham gia: 73.5%

Bảng 4: Kết quả khảo sát ngành Giáo dục tiểu học, trình độ đại học

Kết quả khảo sát											
Câu hỏi	Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Phần lớn đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Trung bình chung
	số sv	%	số sv	%	số sv	%	số sv	%	số sv	%	
1	5	2.4	4	1.9	59	28.0	35	16.6	108	51.2	4.1
2	5	2.4	4	1.9	53	25.1	41	19.4	108	51.2	4.2
3	5	2.4	6	2.8	53	25.1	41	19.4	106	50.2	4.1

4	4	1.9	4	1.9	54	25.6	46	21.8	103	48.8	4.1
5	4	1.9	5	2.4	59	28.0	36	17.1	107	50.7	4.1
6	4	1.9	4	1.9	56	26.5	41	19.4	106	50.2	4.1
7	5	2.4	4	1.9	62	29.4	37	17.5	103	48.8	4.1
8	5	2.4	6	2.8	58	27.5	47	22.3	95	45.0	4.0
9	5	2.4	5	2.4	52	24.6	37	17.5	112	53.1	4.2
10	5	2.4	3	1.4	57	27.0	39	18.5	107	50.7	4.1
11	5	2.4	3	1.4	65	30.8	34	16.1	104	49.3	4.1
12	5	2.4	4	1.9	65	30.8	30	14.2	107	50.7	4.1
13	5	2.4	4	1.9	57	27.0	35	16.6	110	52.1	4.1
<b>Trung bình chung các nội dung đánh giá chương trình đào tạo</b>											4.1

### 1.5. Chương trình ngành Giáo dục mầm non, trình độ đại học

- Tổng sinh viên năm cuối: 147
- Tổng sinh viên đã tham gia khảo sát: 138
- Tỷ lệ sinh viên tham gia: 93.9%

Bảng 5: Kết quả khảo sát ngành Giáo dục mầm non, trình độ đại học

<b>Kết quả khảo sát</b>											
Câu hỏi	Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Phần lớn đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Trung bình chung
	số sv	%	số sv	%	số sv	%	số sv	%	số sv	%	
1	1	0.7	1	0.7	24	17.4	21	15.2	91	65.9	4.4
2	2	1.4	21	15.2	28	20.3	87	63.0	138	100	4.4
3	2	1.4	20	14.5	29	21.0	87	63.0	138	100	4.5
4	1	0.7	3	2.2	18	13.0	28	20.3	88	63.8	4.4
5	2	1.4	1	0.7	19	13.8	28	20.3	88	63.8	4.4
6	0	0	3	2.2	20	14.5	24	17.4	91	65.9	4.5
7	0	0	1	0.7	23	16.7	26	18.8	88	63.8	4.5
8	0	0	2	1.4	28	20.3	33	23.9	75	54.3	4.3
9	0	0	2	1.4	23	16.7	26	18.8	87	63.0	4.4
10	0	0	0	0	24	17.4	26	18.8	88	63.8	4.5
11	1	0.7	0	0	23	16.7	25	18.1	89	64.5	4.5
12	0	0	0	0	23	16.7	27	19.6	88	63.8	4.5
13	1	0.7	0	0	24	17.4	24	17.4	89	64.5	4.4
<b>Trung bình chung các nội dung đánh giá chương trình đào tạo</b>											4.4

#### Đánh giá các chương trình đào tạo:

- So với khảo sát năm học 2019-2020, khảo sát năm học 2021-2022 bổ sung thêm nội dung 6 (Chuẩn đầu ra của từng học phần phù hợp, giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra sau khi kết thúc môn học)

- Chương trình đào tạo ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, Việt Nam học, Giáo dục mầm non, trình độ đại học: trung bình chung các tiêu chí đánh giá

chương trình đào tạo là (4.2-4.4) xếp loại mức ý kiến phản hồi rất tốt. Các chương trình nên tiếp tục duy trì và phát triển.

- Chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học, trình độ đại học: trung bình chung các tiêu chí đánh giá chương trình đào tạo là 4.1 xếp loại mức ý kiến phản hồi tốt. Chương trình đào tạo cần hoàn thiện và nâng cao.

- Ở tiêu chí số 7 (Nội dung các học phần có tính định hướng nghề nghiệp rõ ràng) của chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh, trình độ đại học có kết quả trung bình chung 3.8 cho thấy sinh viên có mức độ đồng ý với tiêu chí này còn đang hạn chế.

- Ở tiêu chí số 8 (Chương trình đào tạo có các học phần hỗ trợ sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học) của chương trình đào tạo Việt Nam học, trình độ đại học có kết quả trung bình chung 3.9 cho thấy sinh viên đánh giá học phần hỗ trợ sinh viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học còn hạn chế.

## 2. Đánh giá hoạt động đào tạo và hỗ trợ đào tạo

Bảng 6: Đánh giá hoạt động đào tạo và hỗ trợ đào tạo

Kết quả khảo sát											
Câu hỏi	Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Phần lớn đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Trung bình chung
	Số sv	%	Số sv	%	Số sv	%	Số sv	%	Số sv	%	
14	9	1.8	8	1.6	114	23.3	101	20.7	257	52.6	4.2
15	7	1.4	9	1.8	114	23.3	110	22.5	249	50.9	4.2
16	10	2.0	8	1.6	114	23.3	121	24.7	236	48.3	4.2
17	10	2.0	6	1.2	104	21.3	110	22.5	259	53.0	4.2
18	10	2.0	4	0.8	103	21.1	103	21.1	269	55.0	4.3
19	10	2.0	5	1.0	106	21.7	95	19.4	273	55.8	4.3
20	10	2.0	7	1.4	95	19.4	90	18.4	287	58.7	4.3
21	10	2.0	5	1.0	114	23.3	88	18.0	272	55.6	4.2
22	8	1.6	6	1.2	111	22.7	92	18.8	272	55.6	4.3
23	9	1.8	7	1.4	101	20.7	93	19.0	279	57.1	4.3
24	7	1.4	8	1.6	108	22.1	89	18.2	277	56.6	4.3
25	9	1.8	6	1.2	103	21.1	90	18.4	281	57.5	4.3
26	7	1.4	12	2.5	115	23.5	94	19.2	261	53.4	4.2
27	12	2.5	4	0.8	105	21.5	88	18.0	280	57.3	4.3
28	9	1.8	6	1.2	105	21.5	83	17.0	286	58.5	4.3
29	9	1.8	7	1.4	104	21.3	88	18.0	281	57.5	4.3
30	7	1.4	11	2.2	107	21.9	99	20.2	265	54.2	4.2
31	7	1.4	13	2.7	119	24.3	102	20.9	248	50.7	4.2
32	9	1.8	8	1.6	122	24.9	108	22.1	242	49.5	4.2
33	8	1.6	7	1.4	124	25.4	101	20.7	249	50.9	4.2

- Các tiêu chí đánh giá Hoạt động đào tạo và hỗ trợ đào tạo đều có điểm trung bình đạt mức rất tốt (4.2-4.3).

- Hoạt động đào tạo và hỗ trợ đào tạo trên 90% sinh viên đánh giá cao các nội dung: Giảng viên nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ sinh viên trong học tập và nghiên cứu khoa học; Kết quả học được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với đặc thù môn học; Đội ngũ cố vấn học tập nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên; Đội ngũ giáo vụ Khoa/Bộ môn nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên;... Kết quả khảo sát cho thấy khóa đào tạo này khắc phục được nhiều hạn chế của khóa đào tạo trước. Bộ phận hỗ trợ đào tạo như Cố vấn học tập, Giáo vụ khoa có vai trò lớn đã đóng góp cho sự thỏa mãn của người học khi tham gia vào khóa học này.

- Tuy nhiên cần xem xét đến các ý kiến đồng ý một phần và không đồng ý của sinh viên trong một số tiêu chí: Nhà trường phổ biến sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu đào tạo đến sinh viên bằng nhiều hình thức khác nhau; Phương thức tổ chức đào tạo của Trường có tính linh hoạt và thích hợp tạo thuận lợi cho người học; Đội ngũ giảng viên có kiến thức chuyên môn vững vàng và có tính cập nhật; Giảng viên áp dụng phương pháp dạy - học theo hướng khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm; Giảng viên nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ sinh viên trong học tập và nghiên cứu khoa học; Kế hoạch kiểm tra, đánh giá được thông báo rõ ràng; Việc xét duyệt cấp học bổng cho sinh viên được thực hiện công bằng;...

### 3. Đánh giá cơ sở vật chất phục vụ quá trình học tập

Bảng 7: Đánh giá cơ sở vật chất phục vụ quá trình học tập

Kết quả khảo sát											
Câu hỏi	Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Phần lớn đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Trung bình chung
	số sv	%	số sv	%	số sv	%	số sv	%	số sv	%	
34	9	1.8	6	1.2	103	21.1	84	17.2	287	58.7	4.3
35	9	1.8	7	1.4	110	22.5	97	19.8	266	54.4	4.2
36	9	1.8	10	2.0	116	23.7	103	21.1	251	51.3	4.2
37	8	1.6	6	1.2	120	24.5	99	20.2	256	52.4	4.2
38	9	1.8	8	1.6	112	22.9	95	19.4	265	54.2	4.2
39	8	1.6	11	2.2	112	22.9	108	22.1	250	51.1	4.2
40	10	2.0	8	1.6	114	23.3	104	21.3	253	51.7	4.2
41	10	2.0	6	1.2	113	23.1	101	20.7	259	53.0	4.2
42	11	2.2	6	1.2	113	23.1	106	21.7	253	51.7	4.2
43	8	1.6	9	1.8	117	23.9	95	19.4	260	53.2	4.2
44	8	1.6	5	1.0	125	25.6	99	20.2	252	51.5	4.2
45	10	2.0	8	1.6	123	25.2	95	19.4	253	51.7	4.2
46	10	2.0	8	1.6	121	24.7	101	20.7	249	50.9	4.2
47	8	1.6	8	1.6	115	23.5	91	18.6	270	55.2	4.2

- So với nội dung khảo sát năm học 2019-2020, khảo sát năm nay đã bổ sung thêm một số nội dung chi tiết để đánh giá cụ thể cơ sở vật chất phục vụ quá trình học tập trong tiêu chí số 39 đó là: Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị, phương tiện và các vật chất khác phục vụ các bài thực hành, thí nghiệm...

- Điểm trung bình đánh giá các tiêu chí đều đạt ở mức độ rất tốt (4.2-4.3).

- Ở một số tiêu chí: Hệ thống máy tính, máy chiếu, wifi,... hỗ trợ hiệu quả nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của sinh viên; Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị, phương tiện và các vật chất khác phục vụ các bài thực hành, thí nghiệm...; Thư viện có đủ giáo trình và tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên; Cơ sở dữ liệu của thư viện điện tử thường xuyên được cập nhật; Cán bộ phục vụ của thư viện sẵn sàng tư vấn, hướng dẫn cho độc giả trong quá trình mượn - trả sách tỉ lệ sinh viên không đồng ý và chỉ đồng ý một phần đạt 3,8% cho thấy sinh viên vẫn chưa hài lòng hoàn toàn với trang thiết bị phòng thực hành, điều kiện máy tính, wifi, tài liệu thư viện,... nhằm đáp ứng yêu cầu học tập.

#### 4. Đánh giá về thái độ, kiến thức và kỹ năng sau quá trình học tập

Bảng 8: Đánh giá về thái độ, kiến thức và kỹ năng sau quá trình học tập

Kết quả khảo sát											
Câu hỏi	Không đồng ý		Đồng ý một phần		Đồng ý		Phần lớn đồng ý		Hoàn toàn đồng ý		Trung bình chung
	số sv	%	số sv	%	số sv	%	số sv	%	số sv	%	
48	10	2.0	4	.8	104	21.3	102	20.9	269	55.0	4.3
49	10	2.0	7	1.4	114	23.3	99	20.2	259	53.0	4.2
50	8	1.6	8	1.6	112	22.9	104	21.3	257	52.6	4.2
51	9	1.8	9	1.8	123	25.2	99	20.2	249	50.9	4.2
52	9	1.8	13	2.7	140	28.6	111	22.7	216	44.2	4.0
53	9	1.8	8	1.6	134	27.4	101	20.7	237	48.5	4.1
54	8	1.6	6	1.2	134	27.4	108	22.1	233	47.6	4.1
55	11	2.2	5	1.0	118	24.1	100	20.4	255	52.1	4.2

- Điểm trung bình đánh giá các tiêu chí đạt ở mức độ tốt và rất tốt (4.0-4.3).

- Trên 95% sinh viên đồng ý, phần lớn đồng ý và hoàn toàn đồng ý với các tiêu chí tự đánh giá về thái độ, kiến thức và kỹ năng sau quá trình học tập cho thấy sự tự tin về các kỹ năng mềm (kỹ năng tin học, ngoại ngữ, giao tiếp, làm việc nhóm, kiểm soát cảm xúc, quản lý thời gian,...).

- Đến 4,5% sinh viên không đồng ý và đồng ý một phần về các tiêu chí: Nhận thức ngành nghề của sinh viên được định hướng tốt; Sinh viên cảm thấy tự tin trong giao tiếp xã hội; Sinh viên có trình độ ngoại ngữ đáp ứng công việc

chuyên môn sau này; Sinh viên có trình độ tin học đáp ứng công việc chuyên môn sau này

## **C. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ KHẢO SÁT VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

### **1. Đánh giá chung về kết quả khảo sát**

#### **1.1. Ưu điểm**

- Phần lớn sinh viên có ý thức tham gia trả lời phiếu khảo sát, lấy ý kiến của sinh viên trước khi tốt nghiệp về chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo do đã nhận thức được quyền lợi và trách nhiệm của mình, thấy được vai trò, ý nghĩa của việc lấy ý kiến phản hồi giúp nhà trường đánh giá đúng thực trạng để có những biện pháp cải tiến, đổi mới trong chương trình đào tạo, hoạt động giảng dạy, hỗ trợ giảng dạy của giảng viên.

- Phần lớn sinh viên đánh giá chương trình đào tạo các ngành cơ bản đáp ứng được yêu cầu đào tạo và phù hợp với nhu cầu xã hội.

- Hầu hết các giảng viên được đánh giá ở mức cao, có trình độ chuyên môn tốt, đảm bảo giờ lên lớp và thực hiện nghiêm túc kế hoạch giảng dạy, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm.

- Về tổ chức và quản lý phục vụ đào tạo: Sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, được tổ chức học tập khoa học.

- Về kiểm tra đánh giá: Các kỳ thi được tổ chức nghiêm túc, khách quan. Các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung của từng học phần. Kết quả học tập được thông báo kịp thời tới sinh viên dưới nhiều hình thức.

- Về cơ sở vật chất: Cơ sở vật chất của Nhà trường đã đáp ứng được nhu cầu học tập và vui chơi giải trí của sinh viên, có đủ trang thiết bị cho sinh viên thực hành, nghiên cứu khoa học.

#### **1.2. Tồn tại**

- Chương trình Quản trị kinh doanh, trình độ đại học xem xét nội dung các học phần hỗ trợ sinh viên nghiên cứu khoa học vào các kỳ học cho phù hợp với tiến trình đào tạo.

- Chương trình Việt Nam học, trình độ đại học có học phần có tính định hướng nghề nghiệp rõ ràng được đánh giá thấp hơn các nội dung khác. Chương trình đào tạo nên bố trí tăng cường các học phần nội dung hỗ trợ nghề nghiệp sau này, giúp sinh viên ra trường đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng.

- Một số sinh viên có ý kiến cụ thể như sau: chương trình đào tạo các ngành sư phạm cần bám sát nội dung giảng dạy thực tế ở các trường học; tăng cường các học phần kỹ năng như: tin học, ngoại ngữ, kỹ năng mềm trong xã hội,...

- Một số ý kiến sinh viên cho rằng các phòng chức năng giải quyết vấn đề của sinh viên chậm.

- Có ý kiến của sinh viên cho rằng nên cải thiện cơ sở vật chất Nhà trường: khắc phục hư hỏng thiết bị trong phòng đàn; vệ sinh khuôn viên lớp học và nhà trường; trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, máy tính, máy chiếu, tài liệu học tập tại các phòng học.

## **2. Đề xuất, kiến nghị**

Các khoa cần tổ chức sinh hoạt chuyên môn hiệu quả nhằm nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên và bản thân mỗi giảng viên luôn cập nhật kiến thức chuyên môn của mình để đáp ứng nhu cầu môn học và nhu cầu người học. Trong thời gian vừa qua, phần mềm đào tạo đang trong giai đoạn chỉnh sửa nên việc thông tin lịch thi đến sinh viên chậm, sinh viên không thể chủ động xem danh sách và lịch thi trong phần mềm nên khắc phục tình trạng này bằng đội ngũ cố vấn học tập và giáo vụ khoa/bộ môn kịp thời cung cấp các thông tin cần thiết cho sinh viên.

Mặc dù Nhà trường đã rất cố gắng và luôn đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy thông qua hệ thống thư viện, phòng học, phòng đọc nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của một số sinh viên do vậy Trung tâm Thư viện – Thiết bị cần chú ý hơn nữa tới vấn đề này và đề xuất giải pháp khắc phục: hoàn chỉnh hệ thống sách, giáo trình đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên, tận tình hướng dẫn sinh viên mượn – trả sách theo quy định.

Tiếp tục duy trì công tác này và triển khai lấy ý kiến phản hồi rộng rãi tới tất cả các sinh viên trước khi tốt nghiệp.

Trên đây là báo cáo lấy ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo của sinh viên khóa D11, LT9, C26 trước khi tốt nghiệp của phòng Đào tạo - QLKH. Các đơn vị và cá nhân căn cứ vào kết quả khảo sát để có kế hoạch cải tiến chất lượng đào tạo cho năm học 2022-2023./.

### **Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị;
- Lưu: ĐT-QLKH.

**KT.HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Dương Trọng Luyện**

UBND TỈNH NINH BÌNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**PHIẾU KHẢO SÁT**  
**Ý KIẾN CỦA SINH VIÊN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ**  
**CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

(Dành cho sinh viên khóa D11, C26, LT9 trước khi tốt nghiệp)

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường gửi phiếu khảo sát đến Anh/Chị để thu thập ý kiến phản hồi về chương trình đào tạo và chất lượng đào tạo. Mong Anh/Chị vui lòng hoàn thành các câu hỏi dưới đây bằng cách lựa chọn câu trả lời và ghi những ý kiến khác trong mục II.5 (nếu có). Nhà trường đảm bảo các thông tin cá nhân trong phiếu khảo sát này hoàn toàn được bảo mật. Vì vậy, xin Anh/Chị hãy trả lời một cách thẳng thắn và khách quan các câu hỏi.

**I. Thông tin về sinh viên**

Họ và tên: ..... Mã SV: .....

Lớp:..... Ngành: .....Khoa: .....

Địa chỉ liên hệ: .....

Số điện thoại: .....Email: .....

**II. Nội dung đánh giá**

Anh/Chị chọn 1 trong 5 mức độ sau với thang đo:

**1. Không đồng ý**

**2. Đồng ý một phần**

**3. Đồng ý**

**4. Phần lớn đồng ý**

**5. Hoàn toàn đồng ý**

Nội dung đánh giá		Mức độ				
		1	2	3	4	5
<b>II.1. Đánh giá chương trình đào tạo</b>						
1	Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng					
2	Chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đào tạo					
3	Nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo cân đối giữa kiến thức, kỹ năng đại cương và kiến thức, kỹ năng chuyên ngành					
4	Nội dung chương trình đào tạo có tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành					
5	Nội dung chương trình đào tạo được cập nhật, đổi mới					
6	Chuẩn đầu ra của từng học phần phù hợp, giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra sau khi kết thúc môn học					
7	Nội dung các học phần có tính định hướng nghề nghiệp rõ ràng					
8	Chương trình đào tạo có các học phần hỗ trợ sinh viên tham gia					

	các hoạt động nghiên cứu khoa học					
9	Chương trình đào tạo có các học phần về thực tập, thực hành, thực tế chuyên môn, rèn nghiệp vụ,... hiệu quả					
10	Trình tự các học phần của ngành đào tạo được sắp xếp hợp lý					
11	Số lượng học phần, số lượng tín chỉ của học phần trong chương trình đào tạo là phù hợp					
12	Thời gian đào tạo của chương trình là phù hợp					
13	Chương trình đào tạo có phương pháp kiểm tra, đánh giá hợp lý					
<b>II.2. Đánh giá hoạt động đào tạo và hỗ trợ</b>						
14	Các thông tin liên quan tới quá trình đào tạo được cung cấp đầy đủ kịp thời (các quy chế, quy định, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên)					
15	Sinh viên có thể tiếp cận với bản mô tả chương trình đào tạo, đề cương các học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau					
16	Nhà trường phổ biến sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu đào tạo đến SV bằng nhiều hình thức khác nhau					
17	Phương thức tổ chức đào tạo của Trường có tính linh hoạt và thích hợp tạo thuận lợi cho người học					
18	Đội ngũ giảng viên có kiến thức chuyên môn vững vàng và có tính cập nhật					
19	Giảng viên áp dụng phương pháp dạy - học theo hướng khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm					
20	Giảng viên nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ sinh viên trong học tập và nghiên cứu khoa học					
21	Kế hoạch kiểm tra, đánh giá được thông báo rõ ràng					
22	Quy trình kiểm tra đánh giá đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan					
23	Kết quả học được đánh giá bằng nhiều hình thức phù hợp với đặc thù môn học					
24	Kết quả kiểm tra đánh giá chính xác, công bằng					
25	Kết quả kiểm tra được thông báo đến người học rõ ràng, đúng thời gian quy định					
26	Trường hợp có khiếu nại được giải quyết thỏa đáng					
27	Đội ngũ cố vấn học tập am hiểu về quy định, quy chế liên quan đến sinh viên					
28	Đội ngũ cố vấn học tập nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên					

29	Đội ngũ giáo vụ Khoa/Bộ môn nhiệt tình, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên					
30	Nhân viên các phòng chức năng am hiểu về quy định, quy chế liên quan đến sinh viên, sẵn sàng tư vấn, hỗ trợ sinh viên					
31	Việc xét duyệt cấp học bổng cho sinh viên được thực hiện công bằng					
32	Các hoạt động ngoại khóa tổ chức đáp ứng nhu cầu sinh viên, hỗ trợ tốt sinh viên trong học tập, rèn luyện					
33	Công tác chăm sóc sức khỏe đáp ứng nhu cầu của sinh viên					
<b>II.3. Đánh giá về cơ sở vật chất phục vụ quá trình học tập</b>						
34	Phòng học lý thuyết đủ chỗ ngồi cho sinh viên					
35	Phòng học lý thuyết được trang bị các thiết bị hỗ trợ cần thiết cho giảng dạy và học tập					
36	Hệ thống máy tính, máy chiếu, mạng, wifi,... hỗ trợ hiệu quả nhu cầu học tập, nghiên cứu khoa học của sinh viên					
37	Nhà trường có đầy đủ phòng thực hành để sinh viên thực hành và rèn luyện kỹ năng					
38	Phòng thực hành có đủ chỗ cho sinh viên trong giờ thực hành					
39	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị, phương tiện và các vật chất khác phục vụ các bài thực hành, thí nghiệm....					
40	Thư viện có đủ giáo trình và tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên					
41	Môi trường sinh hoạt trong khuôn viên trường an toàn, thân thiện, sạch sẽ, văn minh					
42	Thư viện có thời gian đóng mở cửa phòng học, phòng mượn hợp lý					
43	Phòng đọc của thư viện thoáng mát, đủ ánh sáng, đáp ứng yêu cầu về diện tích, chỗ ngồi					
44	Có thể dễ dàng truy cập dữ liệu trên thư viện điện tử					
45	Cơ sở dữ liệu của thư viện điện tử thường xuyên được cập nhật					
46	Cán bộ phục vụ của thư viện sẵn sàng tư vấn, hướng dẫn cho độc giả trong quá trình mượn – trả sách					
47	Nhà trường có đủ sân chơi, bãi tập thể dục thể thao cho sinh viên sinh hoạt					
<b>II.4. Đánh giá về thái độ, kiến thức và kỹ năng sau quá trình học tập</b>						
48	Sinh viên có sức khỏe, phẩm chất đạo đức (trung thực, tiết kiệm, ham học hỏi,...) của người lao động đáp ứng yêu cầu của thị trường					
49	Nhận thức ngành nghề của sinh viên được định hướng tốt					

50	Sinh viên tự tin về kiến thức chuyên môn của mình					
51	Sinh viên cảm thấy tự tin trong giao tiếp xã hội					
52	Sinh viên có trình độ ngoại ngữ đáp ứng công việc chuyên môn sau này					
53	Sinh viên có trình độ tin học đáp ứng công việc chuyên môn sau này					
54	Sinh viên có kỹ năng mềm (tìm kiếm việc làm và tuyển dụng, làm việc nhóm, kiểm soát cảm xúc, quản lý thời gian,...) đáp ứng công việc sau này.					
55	Sẵn sàng tư vấn cho người thân vào học trong trường này					

**II.5. Những ý kiến đóng góp khác của Anh/Chị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường**

.....

.....

.....

*Chân thành cảm ơn sự hợp tác của Anh/Chị.*